TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/DS-PT
Ngày 30-01-2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền lối đi qua bất động sản liền kề

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 555/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền lối đi qua bất động sản liền kề".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 504/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 07/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Hồng S, sinh năm 1986; địa chỉ: số B, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1982; địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: số E, đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2018), vắng mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Phan Văn H1, sinh năm 1955; địa chỉ: tổ D, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Cụ Phan Văn H2 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Phan Văn H2 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ông Phan Văn H1 sinh năm 1955; địa chỉ: tổ D, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2.2. Bà Phan Thị G, sinh năm 1950; địa chỉ: khu C, ấp P. xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

2.3. Bà Phan Thị Ánh H3, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ D, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.4. Bà Phan Thị Ánh T, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ D, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.5. Bà Phan Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2.6. Bà Phan Thị N1, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2.7. Ông Phan Văn L (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn L:

2.7.1. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2.7.2. Bà Phan Thị Hồng S, sinh năm 1986; địa chỉ: số B, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2.7.3. Bà Phan Thị L2, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2.7.4. Ông Phan Văn R, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2.7.5. Cháu Phạm Minh L3, sinh ngày 07/9/2008;

Người đại diện hợp pháp cho cháu Phạm Minh L3: Bà Phạm Thị Tuyết L4 (mẹ ruột); cùng địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1984; địa chỉ: số B, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1977; địa chỉ: số B, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: tổ D, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Phan Văn H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 97/QĐKN-VKS-DS ngày

25/10/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng S trình bày:

Về quan hệ huyết thống: cụ Phan Văn H2 (sinh năm 1926, chết năm 2018) và cụ Nguyễn Thị G1 (chết năm 1994) có 10 người con bao gồm: bà Phan Thị G; ông Phan Văn P (chết không có vợ con); ông Phan Văn H1; ông Phan Văn R1 (chết không có vợ con); bà Phan Thị N2 (chết không có chồng con); ông Phan Văn L (chết năm 2016) người kế thừa của ông Phan Văn L gồm: bà Phan Thị L1, bà Phan Thị Hồng S, bà Phan Thị L2, ông Phan Văn R và cháu Phạm Minh L3 (sinh ngày 07/9/2008 là con riêng của ông Phan Văn L với bà Phạm Thị L4); bà Phan Thị Ánh H3; bà Phan Thị Ánh T; bà Phan Thị N và bà Phan Thị N1.

Cha mẹ của cụ Phan Văn H2 là cụ Phan Văn C và cụ Nguyễn Thị N3 đều đã chết trước cụ Phan Văn H2. Cha mẹ của cụ Nguyễn Thị G1 là cụ Nguyễn Văn H5 còn mẹ cụ Nguyễn Thị G1 không biết họ tên và đều đã chết trước cụ Nguyễn Thị G1. Cụ Phan Văn H2 và cụ Nguyễn Thị G1 không còn người thừa kế nào khác.

Di sản thừa kế của cụ Phan Văn H2 chết để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 791m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 701,1m^2) thuộc thửa đất số 676, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01062 QSDĐ/TU.

Tài sản gắn liền trên đất bao gồm: nhà ở có diện tích 166,6m^2, mái che (01) có diện tích 82,2m^2, mái che (02) có diện tích 78,2m^2, mái che (03) có diện tích 15,4m^2 ; lối đi chung trên đất tranh chấp là 71,8m^2.

Trước khi chết cụ Phan Văn H2 đã lập Di chúc ngày 22/9/2016, được công chứng số 9679, quyển số 09TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C2) chứng thực có nội dung để lại diện tích 701,1m^2 cho các đồng thừa kế của ông Phan Văn L bao gồm bà Phan Thị L1, bà Phan Thị Hồng S, bà Phan Thị L2, ông Phan Văn R và cháu Phạm Minh L3.

Nguyên đơn yêu cầu công nhận Di chúc ngày 22/9/2016 có hiệu lực và công nhận diện tích đất 791m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế là 701,1m^2) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất cho các đồng thừa kế của ông Phan Văn L.

Di chúc cụ Phan Văn H2 lập ngày 28/9/2017 có hai người làm chứng. Bà Phan Thị N là người thừa kế theo pháp luật của cụ Phan Văn H2 không được làm chứng nên Di chúc ngày 28/9/2017 không có hiệu lực pháp luật.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Phan Văn H2 và bà Phan Thị N không đúng quy định pháp luật nên vô hiệu.

Về lối đi đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định công nhận thỏa thuận đã có hiệu lực pháp luật nên nguyên đơn không có ý kiến.

- Bị đơn ông Phan Văn H1 trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các lý do sau:

+ Thời điểm cụ Phan Văn H2 lập Di chúc ngày 22/9/2016, tài sản đang tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông Phan Văn H1 khởi kiện cụ Phan Văn H2 để yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị G1 nên di chúc không hợp pháp.

+ Cụ Phan Văn H2 đã có ý chí hủy bỏ Di chúc ngày 22/9/2016 và cụ đã có thông báo gửi cho bà S; Ủy ban nhân dân phường K và gửi cho Tòa án. Sau đó, cụ H2 có lập Di chúc viết tay ngày 28/9/2017 để lại căn nhà; diện tích đất làm nơi thờ cúng và giao cho bà Phan Thị N1 quản lý.

Do đó, ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

+ Xác định diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 522,7m^2 và tài sản gắn liền trên đất là di sản dùng vào việc thờ cúng, giao cho bà Phan Thị N1 quản lý.

+ Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 48/2013/QĐST-DS ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương công nhận lối đi là 75m^2 có chiều ngang 02m là quá nhỏ nên đề nghị chừa lối đi thực tế như hiện nay có diện tích 129,4m^2 để thuận lợi đi lại.

+ Diện tích bà Phan Thị N xác nhận là 178,4m^2 do cụ Phan Văn H2 chuyển nhượng, ông H1 không biết nên không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị N1 trình bày:

Cụ Phan Văn H2 được cấp quyền sử dụng đất có diện tích 791m^2 thuộc thửa đất số số 676, tờ số 44 tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01062 QSDĐ/TU. Nhưng diện tích thực tế sử dụng không đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì: cụ Phan Văn H2 đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị N diện tích 178,4m^2 nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà N4 đã quản lý, sử dụng đất và xây dựng nhà ở và tường rào nên đề nghị công nhận cho bà N4. Tài sản gắn liền trên đất giữa bà N4 và vợ chồng bà H4 tự thỏa thuận giải quyết. Diện tích làm lối đi chung theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 48/2013/QĐST-DS ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương chưa được thi hành án.

Diện tích đất còn lại theo nguyện vọng của cụ Phan Văn H2 là sử dụng vào việc thờ cúng và chỉ định bà Phan Thị N1 quản lý di sản. Việc cụ H2 lập Di chúc ngày 28/9/2017 là do cụ H2 tự viết thể hiện nguyện vọng của cụ H2. Trước khi cụ H2 viết Di chúc ngày 28/9/2017, cụ H2 đã thông báo hủy Di chúc ngày 22/9/2016. Theo Giấy khám sức khỏe số 3737 ngày 27/9/2017 của Trung tâm Y tế T3 (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cụ H2 đủ sức khỏe minh mẫn và tỉnh táo để làm di chúc. Do đó, bà N1 yêu cầu công nhận diện tích đất còn lại theo kết quả đo đạc thực tế là 450,9m^2 (đã trừ diện tích đất cụ H2 đã chuyển nhượng cho bà N4 và lối đi nội bộ), tài sản và cây trồng gắn liền trên đất sử dụng cho việc thờ cúng. Bà N1 là người quản lý di sản thờ cúng theo chỉ định của cụ H2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị G trình bày:

Đồng ý nội dung di chúc của cụ H2 sử dụng nhà đất vào việc thờ cúng nhưng không đồng ý giao cho bà N1 quản lý mà phải tất cả các đồng thừa kế cùng quản lý.

Diện tích làm lối đi theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2013/QĐST-DS ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương có diện tích là 75m^2 (diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 71,8m^2) là thuộc quyền sử dụng của bà G.

Cụ Phan Văn H2 chuyển nhượng cho bà Phan Thị N diện tích 178,4m^2 nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà N4 đã quản lý, sử dụng đất và xây dựng nhà ở và tường rào nên đề nghị công nhận cho bà N4. Tài sản gắn liền trên đất giữa bà N4 và vợ chồng bà H4 tự thỏa thuận giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị N trình bày:

Năm 2003, cụ Phan Văn H2 đã tặng cho bà N diện tích đất 414m^2 thuộc thửa đất số 994, tờ bản đồ số 44 và bà N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02543 QSDĐ/TU ngày 11/6/2003. Sau đó, cụ H2 đã tặng cho bà N thêm diện tích đất 147m^2 (có chiều ngang 3,5m; dài 42m) theo kết quả đo đạc thực tế là 178,4m^2. Bà N4 đã nhận đất và sử dụng xây dựng nhà ở, tường rào ngăn cách từ năm 2003. Do đó, đến năm 2013 cụ H2 mở lối đi cho bà G 02m tính từ bức tường xây của bà N4 theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2013/QĐST-DS ngày 04/6/2013. Đến ngày 26/9/2016, cụ H2 xác nhận lại việc tặng cho quyền sử dụng đất trên tại văn bản thỏa thuận giao đất. Đến năm 2017, bà N4 chuyển nhượng thửa đất số 994, tờ bản đồ số 44 cho ông Đỗ Văn M. Bà Nguyễn Thị H4 (vợ ông M) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS10434 ngày 11/6/2018. Bà N4 có xây dựng căn nhà cấp IV, mái che trên thửa đất số 994, tờ bản đồ số 44 và trên diện tích 178,4m^2. Hiện tại nhà do vợ chồng ông M đang quản lý, sử dụng. Do đó, giữa bà N4 và vợ chồng ông M đã thỏa thuận bà N4 chuyển nhượng cho vợ chồng ông M diện tích đất 178,4m^2 để nhập vào thửa đất số 994, tờ bản đồ số 44 đảm bảo việc tách hợp thửa và sử dụng tài sản gắn liền trên đất. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 5.000.000 đồng/m^2. Do đó, bà N4 yêu cầu công nhận cho bà N4 được quyền sử dụng diện tích đất 178,4m^2 và công nhận sự thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N4 với vợ chồng ông M.

Diện tích đất theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2013/QĐST-DS ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương là lối đi chung. Diện tích đất còn lại và tài sản gắn liền trên đất theo Di chúc ngày 28/9/2017, cụ H2 đã để lại làm nơi thờ cúng. Bà N4 là người làm chứng trong di chúc xác định ý chí của cụ là để lại tài sản làm nơi thờ cúng và chỉ định bà Phan Thị N1 quản lý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ánh H3 và bà Phan Thị Ánh T thống nhất trình bày:

Thống nhất ý kiến của ông Phan Văn H1 nhà và đất sử dụng vào việc thờ cúng. Thống nhất mở lối đi hiện hữu. Cụ Phan Văn H2 chuyển nhượng cho bà Phan Thị N diện tích 178,4m^2 nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà N4 đã quản lý, sử dụng đất và xây dựng nhà ở và tường rào nên đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho bà N4. Tài sản gắn liền trên đất giữa bà N4 và vợ chồng ông M, bà H4 tự thỏa thuận giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M và bà Nguyễn Thị H4 thống nhất trình bày:

Năm 2017, ông M có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Phan Thị N và ông Nguyễn Văn T2 đối với thửa đất số 994, tờ bản đồ số 44 với diện tích 414m^2 tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng vợ chồng bà N không làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà làm hợp đồng ủy quyền. Đến năm 2018, ông M căn cứ hợp đồng ủy quyền làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho bà Nguyễn Thị H4 (vợ ông M).

Trên đất bà N đã xây nhà, mái che, hàng rào tường xây ngăn cách giữa đất bà N với đất của cụ Phan Văn H2. Vợ chồng ông M đã nhận tài sản và sử dụng nhà đất từ năm 2017 cho đến nay. Khi bà N chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có nói căn nhà nằm trên phần đất của cụ H2. Vợ chồng ông M chỉ nhận chuyển nhượng thửa đất số 994, tờ bản đồ số 44 với diện tích 414m^2. Do đó, ông M đồng ý nhận chuyển nhượng diện tích đất còn lại với giá 5.000.000 đồng/m^2 nhưng phải đảm bảo diện tích của thửa đất số 994, tờ bản đồ số 44 đủ diện tích 414m^2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Phan Văn H2 có văn bản trình bày ý kiến:

Nguồn gốc đất thửa đất số 676 là của cụ Phan Văn H2 được nhận thừa kế và sử dụng từ trước năm 1975, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân cụ H2 vào năm 1999. Thời điểm cụ H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Nguyễn Thị G1 đã chết. Do đó, ông H1 cho rằng cụ Nguyễn Thị G1 được quyền sử dụng ½ diện tích đất của thửa đất số 676 và yêu cầu chia thừa kế là không có cơ sở. Diện tích đất thửa đất số 676 là nơi sinh sống và cũng là nơi cụ H2 thờ cúng tổ tiên nên cụ không đồng ý chia thừa kế.

Cụ Phan Văn H2 đã tặng cho bà Phan Thị N diện tích 147m^2 (ngang 3,5m; dài 42m) vào năm 2003. Bà N4 đã xây dựng tường rào sử dụng ổn định từ năm 2003 nhưng chưa làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Do đó, cụ H2 chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà N4.

Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M1 có ý kiến như sau:

Tại thời điểm lập di chúc, cụ Phan Văn H2 vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép và có giấy chứng nhận sức khỏe.

Di chúc số 9679, quyển số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2016 được chứng nhận tại Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C2). Công chứng viên đã đọc lại nội dung di chúc cho cụ Phan Văn H2 nghe xác nhận nội dung di chúc ghi chép chính xác, thể hiện đúng ý chí, không sửa đổi và ký tên điểm chỉ vào di chúc có người làm chứng là ông Lê Văn N5.

Tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01062 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/5/1999, cập nhật biến động ngày 11/6/2003, ngày 17/9/2008, ngày 22/9/2009, ngày 26/11/2009. Công chứng viên đã kiểm tra thông tin ngăn chặn và không có bất kỳ văn bản ngăn chặn nào của cá nhân, tổ chức đối với quyền sử dụng đất nêu trên.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Diễm T1 trình bày:

Bà T1 là người làm chứng trong di chúc viết tay của cụ Phan Văn H2 có nội dụng cụ Hẹn để lại nhà và đất làm nơi thờ cúng và giao cho bà Phan Thị N1 quản lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản" giữa nguyên đơn ông Phan Văn H1 với bị đơn cụ Phan Văn H2.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phan Thị G về việc "Tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề".

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng S với ông Phan Văn H1 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Tuyên Di chúc của cụ Phan Văn H2 lập ngày 22/9/2016 tại Văn Phòng C1 (nay là Văn phòng C2) công chứng số 9679, quyển số 09TP/CC-SCC/HĐGD không có hiệu lực.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị N1 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

- Tuyên Di chúc của cụ Phan Văn H2 lập 28 tháng 9 năm 2017 có hiệu lực một phần.

Giao cho bà Phan Thị N1 được quyền quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng gồm quyền sử dụng đất có diện tích 450,9m^2 (trong đó có 300m^2 ODT) thuộc thửa đất số 676 có tứ cận: hướng Bắc giáp lối đi phần còn lại thửa đất số 676; hướng Nam giáp thửa đất số 1356; hướng Đông giáp đường nhựa và hướng Tây giáp thửa đất số 1379 (khu A trên mảnh trích lục kèm theo).

Cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất bao gồm: căn nhà cấp IV có nền gạch bông, tường gạch xây tô mái tôn với diện tích 134,2m^2; mái che có diện tích 82,2m^2; hàng rào lưới B40, trụ sắt, móng gạch xây tô cao 30cm; mái che có diện tích 78,2m^2 và cây trồng trên đất cho đến khi có thỏa thuận mới của các đồng thừa kế của cụ Phan Văn H2.

- Tuyên Di chúc của cụ Phan Văn H2 lập 28 tháng 9 năm 2017 vô hiệu một phần đối với diện tích lối đi 71,8m^2 và diện tích tặng cho bà Phan Thị N 178,4m^2.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị N.

Bà Phan Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 178,4m^2 và công nhận sự thỏa thuận giữa bà Phan Thị N với bà Nguyễn Thị H4, ông Đỗ Văn M như sau:

Bà Nguyễn Thị H4 và ông Đỗ Văn M được quyền sử dụng diện tích đất 178,4m^2 (hợp vào thửa đất số 994) có tứ cận: hướng Bắc giáp thửa đất số 994; hướng Nam giáp lối đi (tường xây) thửa đất số 676; hướng Đông giáp đường nhựa và hướng Tây giáp thửa đất số 995 (khu B trên mảnh trích lục kèm theo).

Đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị H4 và ông Đỗ Văn M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị N số tiền 892.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2023, ông Phan Văn H1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị N và công nhận hiệu lực của Di chúc ngày 28/9/2017 có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11/10/2023, ông Đỗ Văn M có đơn kháng cáo yêu cầu xác định lại ranh giới thửa đất số 994 với phần đất tranh chấp, không đồng ý với việc tuyên buộc ông M trả tiền cho bà Phan Thị N.

Ngày 25/10/2023, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 97/QĐKN-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Phan Văn H1 và ông Đỗ Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng S là ông Nguyễn Chí H vắng mặt. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Vẫn giữ nguyên quan điểm theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 97/QĐKN-VKS-DS ngày 25/10/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo và chấp nhận quyết định kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Phan Văn H2 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Ánh H3, bà Phan Thị Ánh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Phan Thị N1 vắng mặt; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn L gồm bà Phan Thị L1, bà Phan Thị Hồng S, bà Phan Thị L2, ông Phan Văn R và người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Minh L3 là bà Phạm Thị Tuyết L4; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự có tên trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 07/7/2017, ông Phan Văn H1 có đơn khởi kiện đối cụ Phan Văn H2 yêu cầu chia di sản của cụ Nguyễn Thị G1, yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ G1 để lại là ½ là quyền sử dụng đất có diện tích 791m^2 thuộc thửa đất số 676, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01062 QSDĐ/TU ngày 17/5/1999 cho ông Phan Văn H2. Quá trình tố tụng cụ H2 chết. Ngày 22/8/2018, ông H1 có đơn rút đơn khởi kiện đối với cụ H2. Ngày 27/5/2019, Tòa án có thông báo về việc thay đổi địa vị tố tụng đương sự, xác định bà Phan Thị Hồng S trở thành nguyên đơn và ông Phan Văn H1 trở thành bị

đơn, không xác định tư cách tố tụng của cụ H2 và đến ngày 28/9/2023 Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu của ông H1 đối với cụ H2 tại bản án sơ thẩm vẫn xác định cụ H2 là bị đơn là không đúng với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp này, Tòa án phải đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H1 đối với bị đơn cụ H2 và thay đổi địa vị tố tụng, ông H1 là người bị bà S khởi kiện theo đơn độc lập, là bị đơn và cụ H2 trở thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng lại chỉ ra thông báo thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự là không đúng.

[3] Theo kết quả đo đạc tại Mảnh trích lục ngày 27/12/2022, diện tích đất tranh chấp là 701,1m^2, trong đó bà S có yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất trên theo Di chúc ngày 22/9/2016, bà N1 yêu cầu hủy Di chúc ngày 22/9/2016 và yêu cầu công nhận Di chúc ngày 28/9/2017 đối với diện tích đất trên; bà N có đơn yêu cầu công nhận một phần diện tích 178,4m^2 trong tổng diện tích 701,1m^2; bà G yêu cầu giao diện tích lối đi 71,8m^2 trong tổng diện tích 701,1m^2 theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2013/QĐST-DS ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T; yêu cầu hủy Di chúc ngày 22/9/2016; Di chúc ngày 28/9/2017 và yêu cầu công nhận quyền sở hữu cho chung các thừa kế.

[4] Như vậy, bà Phan Thị G có 03 yêu cầu độc lập. Theo Thông báo về việc từ chối yêu cầu thi hành án số 752 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T trả lời đơn yêu cầu thi hành án của bà G đã hết thời hiệu thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và không đủ điều kiện thụ lý thi hành án. Căn cứ vào thông báo trên, việc thỏa thuận giữa bà G với ông H2 đã hết thời hiệu thi hành án, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2013/QĐST-DS ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T vẫn đang có hiệu lực, diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 71,8m^2 dùng làm lối đi các đương sự thỏa thuận vào năm 2013 vẫn thuộc quyền sử dụng của ông H2, do hết thời hiệu thi hành án, căn cứ vào quyết định trên, bà G yêu cầu các thừa kế thực hiện việc giao trả, không thuộc trường hợp là tranh chấp yêu cầu mở lối đi, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu mở lối đi đã được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2013/QĐST-DS ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T giữa bà G với ông H2 và đình chỉ yêu cầu độc lập của bà G là không phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem xét giải quyết xác định diện tích đất trên (tuyên vô hiệu đối với phần di chúc liên quan đến diện tích đất trên nhưng lại không giải quyết hậu quả vô hiệu ai có quyền đối với diện tích trên), là giải quyết chưa triệt để vụ án. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết đối với 02 yêu cầu độc lập của bà G là xem xét, giải quyết không đầy đủ yêu cầu độc lập của đương sự.

[5] Bà N4 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án công nhận cho bà N4 được sử dụng phần đất có diện tích 147m^2 thuộc thửa đất số 676, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phan Văn H2, Tòa án công nhận cho bà N4 diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 178,4m^2, bà N4 không có đơn yêu cầu độc lập bổ sung đối với diện tích tăng thêm. Tại phiên tòa, bà N4 yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa bà N4 với vợ chồng ông M, bà H4 về việc bà N4 chuyển nhượng cho vợ chồng ông M diện tích đất 178,4m^2 để nhập vào thửa đất số 994 và sử dụng tài sản gắn liền trên đất với giá chuyển nhượng là 5.000.000 đồng/m^2 trong khi giữa ông M, bà H4, bà N4 không có bất kỳ giao dịch chuyển nhượng nào, ông M chưa thống nhất ranh giới cũng như diện

tích. Như vậy, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà N4 tại phiên tòa là vượt quá phạm vi yêu cầu độc lập ban đầu của bà N4 nhưng Tòa án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của bà N4 với vợ chồng ông M, bà H4 đã vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, vi phạm Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và công nhận sự thỏa thuận khi chưa có sự thống nhất là trái ý chí của đương sự.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Do vậy, kháng cáo của ông Phan Văn H1, ông Đỗ Văn M là có căn cứ chấp nhận một phần, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 296, khoản 3 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 97/QĐKN-VKS-DS ngày 25/10/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự sự phúc thẩm:

Ông Phan Văn H1 và ông Đỗ Văn M không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Đỗ Văn M số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008221 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết